NHÂN HỌC LÀ GÌ ?

LTS: *Hiện nay thuật ngữ Nhân học xuất hiện nhiều trên báo chí và trong chương trình đào tạo của một số trường Đại học. Nội dung của thuật ngữ này còn có nhiều ý kiến khác nhau. Chúng tôi xin giới thiệu bài viết sau đây của tác giả A.A. Belik - L.P. Voronkova trong Bách khoa thư Văn hóa học thế kỷ XX, Sant-Peterburg, 1998 qua bản dịch của Từ Thị Loan.*

Thiếu nữ Philippines

Nhân học là một lĩnh vực nhận thức khoa học, trong đó nghiên cứu các vấn đề nền tảng của tồn tại con người trong môi trường tự nhiên và nghệ thuật.

Trong khoa học hiện đại có nhiều cách hệ thống hóa khác nhau các bộ môn của nhân học. Về cơ bản nhân học bao gồm: khảo cổ học, dân tộc chí, dân tộc học, văn học dân gian, ngôn ngữ học, nhân học hình thể và nhân học xã hội. Tập hợp các bộ môn nhân học này dần dần được mở rộng, trong đó có thêm nhân học y học (tâm lý học con người, di truyền học), sinh thái học con người .v.v... Cũng có quan điểm cho rằng nhân học, với tư cách một ngành nghiên cứu khoa học, là sự kết hợp giữa nhân học thuần túy, hay là lịch sử tự nhiên của con người (bao gồm phôi thai học, sinh vật học, cơ thể học, tâm sinh lý học con người) với: cổ tự học, hay là tiền lịch sử; dân tộc học (khoa học về sự phát tán của loài người trên trái đất, hành vi và các phong tục của họ); xã hội học (khoa học nghiên cứu mối quan hệ giữa con người với nhau); ngôn ngữ học; thần thoại học; địa lý học xã hội (nghiên cứu tác động của khí hậu và môi trường tự nhiên đến con người); nhân khẩu học (đưa ra số liệu thống kê về thành phần và sự phân bố các cộng đồng dân số).

Từ các cách hệ thống hóa trên có thể thấy rõ một cách luận giải mở rộng về nhân học, khi nó bao gồm cả các khoa học xã hội và các khoa học nhân văn. Ngoài ra, các thuật ngữ dân tộc chí (xuất hiện ở Đức vào thế kỷ XIX), dân tộc học (sử dụng ở Pháp) và nhân học (thuật ngữ khoa học trong khối các nước nói tiếng Anh) cũng thường được dùng để biểu thị ngành khoa học về con người và về văn hóa của nó.

Dựa trên sự phân định ranh giới giữa các trường nghiên cứu, có thể đưa ra cách hệ thống hóa nhân học như sau.

Nhân học triết học tập trung chú ý đến việc nghiên cứu các vấn đề của tồn tại con người trong thế giới tổng thể, tìm lời đáp cho câu hỏi về bản chất của con người. Nhân học triết học xuất hiện như sự tiếp tục hợp quy luật của việc tìm kiếm các giải pháp về vấn đề con người trong triết học phương Tây, như một trong các phương án giải quyết nó. "Con người là gì?" - vấn đề do Kant đặt ra, sau đó được

Scheler phát triển, cho rằng tất cả các vấn đề trung tâm của triết học có thể quy về câu hỏi: con người là gì và vị trí siêu hình của nó như thế nào trong tổng thể chung của tồn tại, của thế giới và của tạo hóa. Khi xem xét văn hóa như là sự *nhân văn hóa* tự nhiên, Scheler nhìn nhiệm vụ của Nhân học triết học, do ông tạo dựng, là ở chỗ làm sao chỉ ra chính xác rằng mọi thành tựu và công việc đặc thù của con người - ngôn ngữ, lương tâm, công cụ, vũ khí, nhà nước, sự lãnh đạo, các chức năng tạo hình của nghệ thuật, huyền thoại, các ngành nghề, khoa học, lịch sử, xã hội v.v... đều bắt nguồn từ cấu trúc chủ yếu của tồn tại con người. Các vấn đề nhân học triết học được Gelen, E. Rotkhaker, M. Landman, Plessner và nhiều người khác phát triển tiếp.

Nhân học thần học nghiên cứu sự tác động qua lại giữa con người với thế giới siêu thực, thế giới thần thánh. Đối với hướng nghiên cứu đó, điều quan trọng là định vị con người thông qua lăng kính của tư tưởng tôn giáo. Nhân học thần học là một trong những khuynh hướng của chủ nghĩa hiện đại trong tôn giáo đương đại, trong đó các nhà tư tưởng tôn giáo đặt ra vấn đề bản chất của con người như một tạo vật hai mặt về bản tính của mình, xem xét các vấn đề tồn tại con người trong thế giới hiện đại, các quá trình bi kịch trong sự phát triển thiếu vắng tinh thần, xuất phát từ các nguyên tắc nền tảng của học thuyết Ki tô giáo. Anh em nhà thần học Tin Lành Niebuhr, Tillich, nhà triết học Do Thái giáo Buber, các nhà nhân học Thiên Chúa giáo Teilhard de Chardin, K. Raner, các nhà thần học Chính giáo, đặc biệt là Phlorenski, A.S. Pozov... là danh sách còn xa mới đầy đủ các nhà tư tưởng tôn giáo đại diện cho các trường phái khác nhau trong Nhân học thần học. Khi nhấn mạnh ý nghĩa ngày càng lớn của Nhân học thần học trong hoàn cảnh hiện đại, những người bênh vực nó nhìn thấy sự khác biệt giữa cách tiếp cận triết học và cách tiếp cận thần học đối với con người ở chỗ thần học (cũng giống như triết học) quan tâm tìm kiếm lời giải đáp cho câu hỏi về ý nghĩa của cuộc sống, nhưng trong việc này thần học đòi hỏi kinh nghiệm của đức tin và, gắn liền với nó, là kinh nghiệm của cứu rỗi. Nhân học thần học, vì vậy, thường tiếp thu một cách phê phán các thành tựu của tri thức triết học và khoa học tự nhiên về con người. Nó có đặc tính mở trước các khoa học khác về con người, nhưng các khoa học kia, cuối cùng, cũng phải mở trước thước đo cao hơn - đó là sự cứu rỗi.

Nhân học văn hóa là lĩnh vực nghiên cứu khoa học đặc biệt, tập trung chú ý đến quá trình tác động qua lại giữa con người và văn hóa. Lĩnh vực nhận thức này hình thành trong văn hóa châu Âu vào thế kỷ XIX, và định hình xong vào nửa cuối thế kỷ XIX.

Trong giới nghiên cứu nước ngoài có các quan điểm khác nhau đối với việc xác định trường đối tượng của bộ môn khoa học này. Khái niệm Nhân học văn hóa thường được sử dụng để biểu thị một ngành tương đối hẹp nghiên cứu các phong tục của con người, nghĩa là các nghiên cứu so sánh văn hóa và cộng đồng, là khoa học về con người nhằm khái quát hóa tư cách, hành vi của con người và khả năng hiểu được đầy đủ nhất sự đa dạng của loài người v.v...

Nhân học văn hóa tập trung chú ý đến các vấn đề khởi nguyên của con người, với tư cách vừa là người sáng tạo vừa là tạo phẩm của văn hóa ở phương diện di truyền ngữ văn học và di truyền bản thể học. Những vấn đề chủ yếu của nghiên cứu Nhân học văn hóa gắn liền với việc hình thành con người như một hiện tượng văn hóa đặc biệt: sự văn hóa hóa các bản năng cơ bản của con người; sự xuất hiện thể tạng đặc biệt của loài người, kết cấu cơ thể con người trong mối liên quan với môi trường văn hóa; cách ứng xử của con người, sự hình thành các chuẩn mực, các cấm đoán và kiêng kị trong quá trình con người hòa nhập vào hệ thống các quan hệ văn hóa xã hội; ảnh hưởng của văn hóa đến cuộc sống giới tính, gia đình và hôn nhân; tình yêu như là một hiện tượng văn hóa đặc biệt; sự hình thành thế giới quan và nhân sinh quan của con người; thần thoại học như một hiện tượng .v.v... Không kém phần quan trọng trong giai đoạn hiện đại là những vấn đề sinh thái học con người và sinh thái học văn hóa, chúng nghiên cứu những quy luật hoạt động của các hệ thống văn hóa sinh thái, bởi vì sự hình thành con người với tư cách giá mang văn hóa không thể không bao hàm cả việc đánh giá vị trí và vai trò của nó trong việc bảo vệ thiên nhiên và văn hóa trong thời hiện đại.

Có ý nghĩa to lớn đối với sự hình thành chương trình nghiên cứu lý luận về con người và văn hóa là các công trình của Tylor *Văn hóa*

nguyên thủy, Dẫn luận vào nghiên cứu con người và văn minh, Đời sống tiền sử của loài người và khởi đầu của văn minh .v.v... Trong các công trình ấy ông đứng từ góc độ của thuyết tiến hóa đưa ra cách lý giải nhân học về văn hóa, qua đó mở đầu cho các nghiên cứu nhân học văn hóa. Phát triển tiếp theo dòng chảy của chủ nghĩa tiến hóa là các nghiên cứu của F. Frazer, G. Mak-Lennan, G. Lebbok, Iu. Lippert và các học giả Nga K.D. Kavelin, M.M. Kovalevski, M.I. Kuliser, N.N. Miklukho-Maklai, D. N. Anuchin, V. G. Bogoraz (Tan) .v.v...

Giai đoạn phát triển đó của Nhân học văn hóa được gọi là *giai đoạn tiến hóa* (1860-1895). Nhà nghiên cứu Mỹ G. Stoking cho rằng trước giai đoạn tiến hóa là *giai đoạn dân tộc học* (1800-1860). Giai đoạn tiếp theo của Nhân học văn hóa gắn liền với hoạt động của nhà bác học Mỹ Boas và có tên gọi là *giai đoạn lịch sử* (1895-1925). Boas đứng ra phê phán chủ nghĩa thực chứng. Thuyết hoài nghi phương pháp luận của ông có ảnh hưởng lớn đến nhiều nhà nghiên cứu: một số trong họ bắt đầu khước từ các khuôn mẫu của nhận thức khoa học tự nhiên ("chủ nghĩa thất bại khoa học" của P. Radin và những người khác) và quay sang phương pháp mô tả kinh nghiệm và điền tờ khai của tương đối luận và chủ nghĩa kinh nghiệm (Herkovits).

Vào những năm 20-30 của thế kỷ XX ở Mỹ xuất hiện *Nhân học tâm lý*, lúc đầu là tên gọi cho khuynh hướng "văn hóa và cá nhân". Nó có được sự nổi tiếng rộng rãi nhờ các cuốn sách của M. Mid, Benedikt, I. Hallouel, G. Dollard, G. Whiting. I. Chaild, G. Honingman, E. Huyz. Mục đích chính của nó là nghiên cứu xem cá nhân hành động, nhận thức và cảm nhận như thế nào trong các điều kiện môi trường văn hóa khác nhau.

Nhân học sinh học (hay Nhân học tự nhiên) chú trọng đến mặt sinh học của con người như của một loài. Ngày nay Nhân học sinh học được hiểu không chỉ như một ngành khoa học về các hình dạng cổ xưa nhất của loài người, về sự tiến hóa của nó (còn được gọi là Nhân học khởi nguyên, Nhân học thời cổ), mà thường như ngành cơ thể học, sinh lý học và hình thái học con người (nghiên cứu về các quy luật sinh trưởng và biến đổi chung trong cấu trúc cơ thể của toàn nhân loại).

Sau Đại chiến thế giới thứ hai các nhà nghiên cứu chú ý tới phương pháp luận phân tích cấu trúc chức năng, dẫn tới sự xuất hiện của *Nhân học xã hội* (Malinovski, Radcliff-Brown và những người khác). Một số học giả cho rằng sự khủng hoảng của nhân học truyền thống là do sự cộng tác chặt chẽ của các nhà nhân học với chính sách thuộc địa của các nước mẫu quốc. Viễn cảnh mới của ngành khoa học này nằm ở việc phân tích các phương diện hành vi xã hội của con người ở các thể chế khác nhau. Nhân học xã hội, như các học giả phương Tây công nhận, đến thay chỗ cho dân tộc học như một lĩnh vực trung tâm, như "trái tim" của Nhân học văn hóa.

Nhân học xã hội nghiên cứu sự hình thành con người với tư cách một tạo vật xã hội, cũng như nghiên cứu các kết cấu và thiết chế chủ yếu tạo điều kiện cho quá trình xã hội hóa con người cùng hàng loạt vấn đề khác. Những tư tưởng của Nhân học xã hội được Malinovski phát triển, hiểu văn hóa như là tổng hòa các thiết chế phục vụ cho việc thỏa mãn những nhu cầu hàng đầu (sinh lý học và tâm lý học) và hàng thứ hai - là những nhu cầu do chính văn hóa sinh ra - của con người. Radcliff-Brown khẳng định rằng nhân học hiện đại là nhân học mang tính xã hội học và mang tính tổng quát về mặt chức năng, đó là khoa học xã hội học so sánh. Nhân học xã hội chú ý tới các quá trình tương tác giữa con người và văn hóa ở giai đoạn văn minh (đó cũng là mối quan tâm tới văn hóa đô thị trong các công trình của nhà nghiên cứu Mỹ R. Redfild, phần nào thể hiện sự thâm nhập của phương pháp luận phân tích cấu trúc chức năng vào Nhân học văn hóa qua nỗ lực của các nhà xã hội học Durkheim, Parsons).

Vào thời gian sau chiến tranh xuất hiện cách tiếp cận văn hóa sinh thái, là sự kết hợp của "tâm lý học sinh thái", "địa lý học sinh thái", "địa lý học văn hóa", "sinh thái học con người". Cách tiếp cận này, được gọi tên là *Nhân học sinh thái*, giải thích ảnh hưởng qua lại giữa môi trường tự nhiên và văn hóa. Đại diện của khuynh hướng này là M. Beits, G. Stiuard, M. Salins, còn ở nước Nga là M.G. Levin, S.P. Tolstov, N.N. Treboksarov v.v...

Một trong những khuynh hướng chủ đạo của chủ nghĩa cấu trúc trong nhân học là Nhân học nhận thức (Gudenaf, F. Launsberi,

Kh. Konkhlin, S. Bruner .v.v...) có mục đích làm bộc lộ và so sánh "các phạm trù nhận thức" ở các nền văn hóa khác nhau. Khuynh hướng này xuất hiện vào giữa những năm 50 tại Mỹ trong khi phát triển các phương pháp phân tích hình thức ngữ nghĩa. Nó được định hình xong vào giữa những năm 60. Cốt lõi của Nhân học nhận thức là quan niệm về văn hóa như một hệ thống các biểu tượng, như một phương thức đặc thù của con người trong nhận thức, tổ chức và kết cấu hiện thực xung quanh. Trong ngôn ngữ, theo ý kiến của những người ủng hộ Nhân học nhận thức, thể hiện tất cả các phạm trù nhận thức thuộc về nền tảng của tư duy con người và tạo nên bản chất của văn hóa. Những phạm trù đó không thuộc về tư duy con người một cách nội tại; chúng được con người tiếp thu trong quá trình *văn hóa hóa*. Đối tượng chính của các nghiên cứu nhân học nhận thức là các hệ thống phân loại và hoạt động khác nhau trong các nền văn hóa.

Từ những năm 50-60 trong giới các nhà nghiên cứu văn hóa Mỹ diễn ra khuynh hướng có tên gọi là *chủ nghĩa tiến hóa mới* (L. White, G. Steward, E.R. Servis, M. Salins và nhiều người khác). L. White ngay từ năm 1939 đã khởi xướng việc tạo dựng một khoa học đặc biệt, được gọi là văn hóa học với tư cách một ngành lý luận đại cương, đánh dấu sự khủng hoảng đã chín muồi của Nhân học văn hóa vào thời kỳ đó. Sự khác biệt của Nhân học văn hóa với Văn hóa học được White nhìn thấy ở chỗ các nhà nhân học bị khép kín trong thế giới kỳ lạ của quá khứ chưa có văn tự, như trong một chiếc hầm trú ẩn, cách xa với những vấn đề nóng bỏng của thời hiện đại. Ông hiểu Văn hóa học như là nền tảng lý luận chung và nền tảng phương pháp luận cho các nghiên cứu nhân học, và là một khả năng mới cho giai đoạn phát triển tiếp theo và hiện đại hóa của Nhân học văn hóa.

Sự tiến triển của Nhân học văn hóa còn càng phức tạp thêm bởi sự xuất hiện của những khuynh hướng phương pháp luận thỏa hiệp, gắn liền với ảnh hưởng của học thuyết Freud đến Nhân học văn hóa Mỹ (Kardiner và trường phái *Nghiên cứu văn hóa và cá nhân* của ông), với cố gắng của Evans-Pritchard nhằm diễn đạt lại phương pháp luận cấu trúc-chức năng thành các thuật ngữ về "ý nghĩa" của các yếu tố văn hóa, và ý định của ông kết hợp nhân học với lịch sử.

Trong thời gian sau chiến tranh, bắt đầu chiếm ưu thế trong nhân học là các khuynh hướng chú trọng đến việc hiểu ý nghĩa của các nền văn hóa "khác" và đưa vào Nhân học các phương pháp của ngôn ngữ học (ngôn ngữ học cấu trúc của F. de Saussure, nghiên cứu nền của N. Trubetski và R. Jakobson), đi đôi với việc tạo dựng trên cơ sở này các phương pháp phân tích hình thức về các hiện tượng văn hóa đặc biệt. Trong khoa học xuất hiện nhiều dạng khác nhau của *Nhân học biểu tượng* (Levi Strauss, E. Leach, V. Terner v.v...).

Nhân học diễn giải của Geertz là một ví dụ về sự tổng hợp giữa Nhân học văn hóa với *diễn giảng học* (Gadamer, Ricoeur), với triết học phân tích ngôn ngữ (G. Rail, Wittgenstein), với triết học các hình thái biểu tượng (S. Langer), và với nghiên cứu văn học (K. Biork). Nhân học diễn giải về phần mình ảnh hưởng đến sự hình thành các khuynh hướng như *Nhân học phê bình văn hóa* (G. Markus, M. Fiser, G.Klifford) và *Dân tộc học thực nghiệm* (M. Agar, Gi. Lofland, E. Huyz), chúng dành sự chú ý đặc biệt đến một bình diện gây nhiều tranh cãi là kiến thức nhân học (kiến thức được diễn giải không chỉ như sự phản ánh của nhà nghiên cứu về một nền văn hóa "khác", mà như cuộc đối thoại giữa chúng) và tìm kiếm các phương thức mỹ từ học tương đồng, để nhà nghiên cứu truyền đạt kinh nghiệm cá nhân về sự hiểu biết nền văn hóa khác.